

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2551/QĐ-ĐHTM ngày ...17... tháng 11 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

|                       |   |
|-----------------------|---|
| Chương trình đào tạo: | Quản trị Hệ thống thông tin<br>(Chương trình chuẩn)<br><i>Information System Management</i> |
| Trình độ đào tạo:     | Đại học   |
| Ngành đào tạo:        | Hệ thống thông tin quản lý  |
| Mã ngành:             | 7340405   |
| Chuyên ngành đào tạo: | Quản trị Hệ thống thông tin   |
| Ngôn ngữ đào tạo:     | Tiếng Việt  |

### 1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo cử nhân định hướng ứng dụng ngành Hệ thống thông tin quản lý, chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin trình độ đại học, đào tạo bằng tiếng Việt đã được bổ sung gần đây nhất theo quyết định số 142/QĐ-ĐHTM ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại.
- Lần sửa đổi, bổ sung này, chương trình đào tạo có những cập nhật cải tiến như sau đối với chương trình hiện hành:
  - Về căn cứ để thay đổi và cập nhật: Chương trình đào tạo có tham khảo các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế. Ngoài ra, chương trình đào tạo có dựa trên số liệu khảo sát và mục tiêu phát triển lực lượng lao động số của Đề án “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng phê duyệt theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020; số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin - điện tử, viễn thông theo “Sách trắng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2023” của Bộ thông tin và Truyền thông vào tháng 12 năm 2023; số liệu thống kê và dự báo về nguồn nhân lực thương mại điện tử theo “Báo cáo thương mại điện tử Việt Nam năm 2023” của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, Bộ Công thương vào tháng 1 năm 2024; số liệu khảo sát về vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của ngành Hệ thống thông tin quản lý và số liệu từ phiếu khảo sát về Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo mới hiện nay.
  - Về mục tiêu của chương trình đào tạo: Đã xác định rõ mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể sát với thực tế và nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra tại Việt Nam.
  - Về chuẩn đầu ra: Đã chuẩn hóa lại các chuẩn đầu ra đúng quy định của Nhà Trường. Các



chuẩn đầu ra được chia thành 04 nhóm: Chuẩn đầu ra về kiến thức, Chuẩn đầu ra về kỹ năng, Chuẩn đầu ra về tự chủ, tự chịu trách nhiệm và Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ; bao gồm 09 PLO được viết ngắn gọn, sát với mục tiêu của chương trình đào tạo.

- *Về chương trình đào tạo*: Chương trình đào tạo vẫn theo khung chương trình đào tạo do Trường Đại học Thương mại quy định nhưng có thay đổi một số học phần cho sát với tình hình thực tế và mục tiêu của chương trình đào tạo. Cụ thể:
  - *Khối kiến thức giáo dục đại cương*: Thay đổi học phần *Tin học quản lý 1* (3TC) bằng học phần *Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản* (3TC)
  - *Khối kiến thức ngành (Bao gồm chuyên ngành)*: Đối với các học phần bắt buộc không đổi về số tín chỉ, chỉ có sự thay đổi học phần *Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp* chuyên xuống thành tự chọn và đổi học phần *An toàn và bảo mật thông tin* lên nhóm học phần bắt buộc.
  - *Khối kiến thức bổ trợ*: Học phần tự chọn có thay đổi học phần *Quản trị chất lượng* (3TC) bằng học phần *Quản trị chiến lược* (3TC) vì trong chương trình đã có học phần *Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm*, và cần tăng cường kiến thức hỗ trợ khởi nghiệp và phát triển.

## 2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân định hướng ứng dụng ngành Hệ thống thông tin quản lý có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và có sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về phân tích, tư vấn, thiết kế, tổ chức và triển khai các giải pháp hệ thống thông tin để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu xã hội trong quá trình chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học:

- Những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn; bản lĩnh chính trị, ý thức trách nhiệm, đạo đức, thẩm mỹ, sức khỏe; khả năng tự học tập, tự nghiên cứu và nâng cao trình độ, có tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vươn lên trong công việc.
- Có kiến thức cơ bản về kinh tế và quản trị kinh doanh, kiến thức nền tảng về công nghệ thông tin và hệ thống thông tin quản lý; có kiến thức chuyên sâu và kỹ năng nghề nghiệp về phân tích nghiệp vụ, phân tích và thiết kế hệ thống, kiểm thử và quản trị dự án, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin, quản trị cơ sở dữ liệu.
- Có năng lực tổng hợp, phân tích thông tin, đánh giá hệ thống, hỗ trợ xây dựng, vận hành, triển khai và quản trị các hệ thống thông tin; có khả năng vận dụng được các kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các bài toán thực tiễn

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo quản trị hệ thống thông tin có thể:

- Trở thành chuyên viên quản lý và tham gia phát triển các dự án công nghệ thông tin trong các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên tổ chức và triển khai các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành chuyên viên phân tích nghiệp vụ các hệ thống thông tin trong các doanh



- ng nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.
- Trở thành các chuyên viên xây dựng và triển khai các ứng dụng Web và thương mại điện tử
  - Trở thành chuyên viên khai thác, phân tích và quản trị dữ liệu trong các hệ thống thông tin
  - Có khả năng khởi nghiệp với các ứng dụng công nghệ thông tin và tham gia giảng dạy hoặc đào tạo tại các Viện, Trường, các cơ sở đào tạo về Hệ thống thông tin quản lý.

### **3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

#### **3.1. Yêu cầu về kiến thức**

(PLO1): Nắm vững các kiến thức về nguyên lý, quy luật, lý luận và thực tiễn của tự nhiên, xã hội, kinh tế, chính trị Việt Nam và thế giới.

(PLO2): Nắm vững các kiến thức xây dựng quy trình nghiệp vụ; phân tích và thiết kế; quản trị các dự án công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO3): Nắm vững kiến thức tổ chức, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước.

(PLO4): Hiểu rõ kiến thức xây dựng, tổ chức và quản trị cơ sở dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong các đơn vị

#### **3.2. Yêu cầu về kỹ năng**

(PLO5): Có kỹ năng xây dựng một trong các tài liệu phân tích nghiệp vụ; tài liệu phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hoặc tài liệu quản trị dự án công nghệ thông tin

(PLO6): Sử dụng thành thạo một ngôn ngữ lập trình và hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong xây dựng các ứng dụng trên nền tảng Web và thương mại điện tử

(PLO7): Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp kinh doanh, khả năng thuyết trình, phát hiện và giải quyết vấn đề; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc thay đổi và có khả năng khởi nghiệp với các ứng dụng công nghệ thông tin.

#### **3.3. Yêu cầu về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm**

(PLO8): Có năng lực tự học tập, nghiên cứu và nâng cao trình độ suốt đời; có thái độ tích cực, tư duy sáng tạo, ý thức đổi mới và vươn lên trong công việc. có ý thức tổ chức kỷ luật cao, chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có tư tưởng chính trị vững vàng, thái độ tôn trọng Pháp luật và đáp ứng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp tại nơi làm việc.

#### **3.4. Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ**

(PLO9): Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại.



#### **4. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

Khối lượng kiến thức toàn khóa là 131 TC (trong đó: 120 TC học tập và tốt nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng - an ninh).

#### **5. Đối tượng tuyển sinh**

Người học trong cả nước đảm bảo Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo đại học - Người học phải tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **6. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

##### **6.1. Quy trình đào tạo**

Quy trình đào tạo được tổ chức triển khai theo 5 bước nhằm đảm bảo hoạt động đào tạo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra, tuân thủ quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường, bao gồm:

**Bước 1.** Xây dựng Kế hoạch toàn khóa;

**Bước 2.** Xây dựng kế hoạch giảng dạy từng học kỳ (gồm: xây dựng lịch trình, thời khóa biểu, lịch thi từng học kỳ) và tổ chức triển khai kế hoạch giảng dạy theo trình tự sau:

- Dựa trên kế hoạch toàn khóa, từng học kỳ phòng Quản lý đào tạo xây dựng lịch trình, thời khóa biểu dự kiến cho kỳ sau, gửi các bộ môn;
- Bộ môn phân công giảng viên giảng dạy và gửi lại phòng Quản lý đào tạo sau khi có ý kiến của Trường Khoa/Viện quản lý chuyên ngành;
- Phòng Quản lý đào tạo đăng tải thời khóa biểu dự kiến (có tên giảng viên giảng dạy lớp học phần) trên trang <http://dangky.tmu.edu.vn> để sinh viên tham khảo trước khi đăng ký học tập;
- Tổ chức cho sinh viên đăng ký học tập;
- Thành lập lớp học phần (thời khóa biểu chính thức) trên cơ sở kết quả đăng ký học tập của sinh viên;
- Chuyển thời khóa biểu chính thức cho Khoa/Viện quản lý chuyên ngành và Bộ môn phụ trách học phần; Lưu trữ Thời khóa biểu chính thức tại Phòng Quản lý đào tạo;
- Tổ chức giảng dạy theo thời khóa biểu (điều hành, kiểm tra, theo dõi tình thực thực hiện kế hoạch giảng dạy/Thời khóa biểu);
- Xây dựng Lịch thi, tổ chức kỳ thi và đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

**Bước 3.** Xử lý các vấn đề về học vụ, gồm: cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học; thôi học; tạm ngừng học; chuyển hình thức đào tạo,...

**Bước 4.** Xét, công nhận tốt nghiệp cho sinh viên

**Bước 5.** Cấp Bằng tốt nghiệp cho sinh viên.

##### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên có đủ các điều kiện sau đây được xét công nhận tốt nghiệp:



a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự; hoặc không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và vẫn còn trong phạm vi thời gian tối đa được phép học tập tại trường của sinh viên;

b) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định theo chương trình đào tạo tương ứng; đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra ngoại ngữ và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định của Trường;

c) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học

f) Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất.

## 7. Phương thức đánh giá

Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ, được quy định cụ thể trong Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định về hoạt động khảo thí của Trường Đại học Thương mại.

## 8. Nội dung chương trình đào tạo

### 8.1. Khung chương trình đào tạo

| STT   | KHỐI KIẾN THỨC VÀ HỌC PHẦN           | MÃ HỌC PHẦN | SỐ TC | Cấu trúc (LT, TL, BCTT) |
|-------|--------------------------------------|-------------|-------|-------------------------|
| 1     | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>  |             | 40    |                         |
| 1.1.  | <b>Giáo dục đại cương</b>            |             | 29    |                         |
| 1.1.1 | <b>Các học phần bắt buộc</b>         |             | 27    |                         |
| 1     | Triết học Mác - Lênin                | MLNP0221    | 3     | 36,18                   |
| 2     | Chủ nghĩa xã hội khoa học            | HCMIO121    | 2     | 24,12                   |
| 3     | Tư tưởng Hồ Chí Minh                 | HCMIO111    | 2     | 24,12                   |
| 4     | Kinh tế chính trị Mác - Lênin        | RLCP1211    | 2     | 24,12                   |
| 5     | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam       | HCMIO131    | 2     | 21,18                   |
| 6     | Tiếng Anh 1                          | ENTH1411    | 2     | 24,12                   |
| 7     | Tiếng Anh 2                          | ENTH1511    | 2     | 24,12                   |
| 8     | Tiếng Anh 3                          | ENTH1611    | 2     | 24,12                   |
| 9     | Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản | INFO3811    | 3     | 36,18                   |
| 10    | Phương pháp nghiên cứu khoa học      | SCRE0111    | 2     | 24,12                   |
| 11    | Pháp luật đại cương                  | TLAW0111    | 2     | 24,12                   |
| 12    | Toán đại cương                       | AMAT1011    | 3     | 36,18                   |
| 1.1.2 | <b>Các học phần tự chọn</b>          |             | 2     |                         |
|       | <i>Chọn 02 TC trong các HP sau:</i>  |             |       |                         |



|               |  |           |           |       |
|---------------|--|-----------|-----------|-------|
| 1             | Kinh tế thương mại đại cương                   | TECO02911 | 2         | 24,12 |
| 2             | Xã hội học đại cương                           | RLCP0421  | 2         | 24,12 |
| <b>1.2</b>    | <b>Giáo dục thể chất</b>                       |           | <b>3</b>  |       |
| <b>1.2.1</b>  | <b>Các học phần bắt buộc</b>                   |           | <b>1</b>  |       |
|               | Giáo dục thể chất chung                        | GDTC1611  | 1         | 12,18 |
| <b>1.2.2.</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>                    |           | <b>2</b>  |       |
| 1             | Bóng ném                                       | GDTC0721  | 1         | 12,18 |
| 2             | Bóng chuyền                                    | GDTC0621  | 1         | 12,18 |
| 3             | Cầu lông                                       | GDTC0521  | 1         | 12,18 |
| 4             | Bóng bàn                                       | GDTC1621  | 1         | 12,18 |
| 5             | Cờ vua   | GDTC1721  | 1         | 12,18 |
| 6             | Bóng rổ  | GDTC0821  | 1         | 12,18 |
| <b>1.3</b>    | <b>Giáo dục quốc phòng - an ninh</b>           |           | <b>8</b>  |       |
| <b>2</b>      | <b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>        |           | <b>91</b> |       |
| <b>2.1.</b>   | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                   |           | <b>28</b> |       |
| <b>2.1.1.</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                   |           | <b>18</b> |       |
| 1             | Kinh tế học                                    | MIEC0821  | 3         | 36,18 |
| 2             | Quản trị học                                   | BMGM0111  | 3         | 36,18 |
| 3             | Thương mại điện tử căn bản                     | PCOM0111  | 3         | 36,18 |
| 4             | Cơ sở dữ liệu                                  | INFO2311  | 2         | 24,12 |
| 5             | Lập trình với Python                           | INFO4511  | 3         | 36,18 |
| 6             | Tiếng Anh thương mại 1                         | ENTI3311  | 2         | 24,12 |
| 7             | Tiếng Anh thương mại 2                         | ENTI3411  | 2         | 24,12 |
| <b>2.1.2.</b> | <b>Các học phần tự chọn</b>                    |           | <b>10</b> |       |
|               | <i>Chọn 10 TC trong các HP sau:</i>            |           |           |       |
| 1             | Lập trình hướng đối tượng                      | INFO4111  | 2         | 24,12 |
| 2             | Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh | INFO3411  | 2         | 24,12 |
| 3             | Chuyển đổi số trong kinh doanh                 | PCOM1111  | 2         | 24,12 |
| 4             | Khởi sự kinh doanh                             | CEMG4111  | 2         | 24,12 |
| 5             | Hành vi khách hàng                             | BMKT3811  | 3         | 36,18 |
| 6             | Cơ sở toán học cho tin học                     | ECIT2321  | 3         | 36,18 |
| 7             | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật                 | INFO1311  | 3         | 36,18 |
| 8             | Kinh tế lượng                                  | AMAT0411  | 3         | 36,18 |
| <b>2.2.</b>   | <b>Kiến thức ngành và chuyên ngành</b>         |           | <b>41</b> |       |
| <b>2.2.1.</b> | <b>Các học phần bắt buộc</b>                   |           | <b>29</b> |       |
| 1             | Mạng máy tính và truyền thông                  | ECIT2421  | 2         | 24,12 |
| 2             | Hệ thống thông tin quản lý                     | ECIT0311  | 3         | 36,18 |
| 3             | Thiết kế và triển khai ứng dụng Web            | ECIT5211  | 3         | 36,18 |



|                                   |  |          |           |         |
|-----------------------------------|--|----------|-----------|---------|
| 4                                 | Quản trị cơ sở dữ liệu                                 | eCIT2711 | 3         | 36,18   |
| 5                                 | Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin               | INFO2511 | 3         | 36,18   |
| 6                                 | Triển khai Hệ thống thông tin quản lý                  | ECIT4011 | 3         | 36,18   |
| 7                                 | Phát triển Hệ thống thông tin kinh tế*                 | ECIT2621 | 3         | 34,12,5 |
| 8                                 | An toàn và bảo mật thông tin                           | ECIT0921 | 3         | 36,18   |
| 9                                 | Phân tích nghiệp vụ phần mềm                           | eCIT2611 | 3         | 36,18   |
| 10                                | Quản trị dự án Công nghệ thông tin*                    | eCIT2821 | 3         | 34,12,5 |
| <b>2.2.2.</b>                     | <b>Các học phần tự chọn</b>                            |          | <b>12</b> |         |
|                                   | <i>Chọn nhóm 12TC trong các nhóm học phần sau:</i>     |          |           |         |
| 1.1<br>Xây dựng và quản trị dự án | Thực hành các công cụ quản trị dự án                   | eCIT4311 | 3         | 0,90    |
|                                   | Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm                  | eCIT3911 | 3         | 36,18   |
|                                   | Các công cụ trực quan hóa dữ liệu                      | INFO3211 | 3         | 0,90    |
|                                   | Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp               | ECIT1421 | 3         | 36,18   |
| 1.2<br>Kiểm thử và triển khai     | Kiểm thử phần mềm                                      | ECIT3021 | 3         | 36,18   |
|                                   | Thực hành kiểm thử phần mềm                            | ECIT4111 | 3         | 0,90    |
|                                   | Các công cụ trực quan hóa dữ liệu                      | INFO3211 | 3         | 0,90    |
|                                   | Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm                  | ECIT3911 | 3         | 36,18   |
| 1.3<br>Khai thác và Quản trị CSDL | Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu                       | INFO3111 | 3         | 0,90    |
|                                   | Khai phá dữ liệu trong kinh doanh                      | INFO5111 | 3         | 36,18   |
|                                   | Nguyên lý đảm bảo chất lượng phần mềm                  | ECIT3911 | 3         | 36,18   |
|                                   | Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure         | ECIT4411 | 3         | 0,90    |
| <b>2.3.</b>                       | <b>Kiến thức bổ trợ</b>                                |          | <b>12</b> |         |
| <b>2.3.1.</b>                     | <b>Các học phần bắt buộc</b>                           |          | <b>6</b>  |         |
| 1                                 | Nguyên lý kế toán                                      | ACCP0111 | 3         | 36,18   |
| 2                                 | Quản trị thương mại điện tử 1                          | ECOM2011 | 3         | 36,18   |
| <b>2.3.2.</b>                     | <b>Các học phần tự chọn</b>                            |          | <b>6</b>  |         |
|                                   | <i>Chọn 06 TC trong các HP sau:</i>                    |          |           |         |
| 1                                 | Quản trị chiến lược                                    | SMGM0111 | 3         | 36,18   |
| 2                                 | Quản trị công nghệ                                     | QMGM0721 | 3         | 36,18   |
| 3                                 | Thanh toán điện tử                                     | PCOM0411 | 3         | 36,18   |
| 4                                 | Quản trị nhân lực căn bản                              | CEMG0111 | 3         | 36,18   |
| <b>2.4</b>                        | <b>Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học</b> |          | <b>10</b> |         |
| 1                                 | Thực tập và viết Báo cáo thực tập tổng hợp             | REPI1311 | 3         | 0,90    |
| 2                                 | Thực tập và viết Khóa luận tốt nghiệp                  | LVVI1711 | 7         | 0,210   |

**Ghi chú:**

- Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa học: 131 tín chỉ với 120 tín chỉ học tập và tốt



nghiệp, 11 TC Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong 120 TC học tập và tốt nghiệp có 90 tín chỉ bắt buộc và 30 tín chỉ tự chọn.

- Các học phần có dấu \* có cấu trúc (34,12,5) có 05 tiết báo cáo thực tế từ Doanh nghiệp
- Các học phần tự chọn nhóm 2.2.2. được nhóm theo các vị trí nghề nghiệp chuyên sâu

## 8.2. Mô tả các học phần (Mô tả chi tiết học phần trong Phụ lục 1)

### 9. Hướng dẫn thực hiện chương trình

| TT | Kỳ học         | Học phần  | Số TC             |
|----|----------------|---|-------------------|
| 1  | KỲ I           | Khối kiến thức GDĐC                             | 9 - 10 TC         |
|    |                | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 03 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>12 - 13 TC</b> |
| 2  | KỲ II          | Khối kiến thức GDĐC                             | 6 - 8 TC          |
|    |                | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 6 - 8 TC          |
|    |                | Giáo dục thể chất                               | 01 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>15 - 16 TC</b> |
| 3  | KỲ HÈ NĂM NHẤT | <b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>            | <b>08 TC</b>      |
| 4  | KỲ III         | Khối kiến thức GDĐC                             | 04 TC             |
|    |                | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 11 - 12 TC        |
|    |                | Giáo dục thể chất                               | 01 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>16 - 17 TC</b> |
| 5  | KỲ IV          | Khối kiến thức GDĐC                             | 6 - 8 TC          |
|    |                | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 3 - 6 TC          |
|    |                | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành              | và 3 - 6 TC       |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>15 - 17 TC</b> |
| 6  | KỲ V           | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 02 TC             |
|    |                | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành              | 12 - 15 TC        |
|    |                | Giáo dục thể chất                               | 01 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>15 - 17 TC</b> |
| 7  | KỲ VI          | Khối kiến thức cơ sở ngành                      | 02 TC             |
|    |                | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành              | 05 - 06 TC        |
|    |                | Khối kiến thức bổ trợ                           | 09 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>16 - 17 TC</b> |
| 8  | KỲ VII         | Khối kiến thức ngành, chuyên ngành              | 13 - 15 TC        |
|    |                | Khối kiến thức bổ trợ                           | 03 TC             |
|    |                | <b>Tổng cộng</b>                                | <b>16 - 18 TC</b> |
| 9  | KỲ VIII        | Thực tập nghề nghiệp và làm tốt nghiệp khóa học | 10 TC             |



| TT | Kỳ học    | Học phần | Số TC  |
|----|-----------|----------|--------|
| 10 | TỔNG CỘNG |          | 131 TC |

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá chương trình đào tạo được triển khai theo hình thức trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS, TS. Nguyễn Hoàng**

**TRƯỞNG KHOA**

**PGS, TS. Nguyễn Trần Hưng**



# PHỤ LỤC 1: MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## I. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC KHỞI ĐẠO CƯƠNG

### 1, *Triết học Mác – Lênin [MLNP0221] (3 tín chỉ)*

*Mục tiêu học phần:* Học phần Triết học Mác-Lênin nhằm giúp cho sinh viên nắm vững thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng và quan điểm duy vật về lịch sử của triết học Mác – Lênin. Trên cơ sở đó, sinh viên có khả năng vận dụng sáng tạo những tri thức triết học Mác – Lênin vào trong hoạt động nhận thức và thực tiễn

*Mô tả tóm tắt nội dung:* Học phần Triết học Mác-Lênin gồm 3 chương: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác-Lênin và vai trò của triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

### 2, *Chủ nghĩa xã hội khoa học [HCM10121] (2 tín chỉ)*

*Mục tiêu học phần:* Học phần trang bị những tri thức khoa học để luận giải sự ra đời tất yếu của CNXH, những nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện trong quá trình xây dựng CNXH nói chung và ở Việt Nam nói riêng; cung cấp những căn cứ khoa học để phân biệt những nhận thức sai lệch và sự chống phá của các thế lực thù địch. Thông qua học phần xây dựng và củng cố niềm tin lý tưởng cộng sản chủ nghĩa cho người học; tạo niềm tin vững chắc vào con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, từ đó góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH ở nước ta.

*Mô tả tóm tắt nội dung:* Học phần gồm 7 chương với những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học: Vấn đề sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, vai trò của Đảng cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử đó, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa, liên minh giai cấp và những vấn đề xã hội (dân tộc, tôn giáo, gia đình). Thông qua đó, người học có nhận thức đúng đắn để thực hiện thắng lợi đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng và Nhà nước.

### 3, *Tư tưởng Hồ Chí Minh [HCM10111] (2 tín chỉ)*

*Mục tiêu học phần:* Truyền thụ cho sinh viên nội dung hệ thống quan điểm lý luận của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Giúp người học nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ.

*Mô tả tóm tắt nội dung:* Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương, trong đó, chương 1 giới thiệu về khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chương 2 đến chương 6, học phần giới thiệu khái quát về những nội dung cơ bản trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, bao gồm: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.



#### **4, Kinh tế chính trị Mác – Lênin [RLCP1211] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới. Giúp người học hiểu và nhận thức được những quy luật chi phối sự sản xuất, trao đổi sản phẩm trong đời sống kinh tế - xã hội. Tạo lập cơ sở khoa học, nền tảng lý luận, phương hướng cho sự hình thành các chính sách kinh tế, định hướng chiến lược cho sự phát triển kinh tế nói riêng và thúc đẩy văn minh xã hội nói chung. Giúp người học hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Góp phần giúp sinh viên hình thành trách nhiệm xã hội phù hợp với vị trí việc làm sau khi ra trường. Đồng thời xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin với sinh viên.

*Mô tả tóm tắt:* Nghiên cứu hàng hóa, tiền tệ, thị trường và các quy luật thị trường chi phối sản xuất và trao đổi hàng hóa. Đồng thời thấy được vai trò của các chủ thể tham gia thị trường. Giới thiệu giúp người học nắm được bản chất và quá trình sản xuất giá trị thặng dư, sự lớn lên của tư bản và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường (phân chia giá trị thặng dư). Người học nghiên cứu về quan hệ cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Định hướng cho người học nghiên cứu và hiểu được kinh tế thị trường, cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Gợi ý những vấn đề sinh viên vận dụng vào các lĩnh vực học tập, nghiên cứu và công tác của mình.

#### **5, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam [HCM10131] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời và quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Qua đó nâng cao nhận thức, giáo dục lý tưởng cho sinh viên; góp phần củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ vào sự lãnh đạo của Đảng.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần trình bày khái quát đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần làm rõ sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó, khẳng định những thắng lợi lớn của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và những bài học về sự lãnh đạo của Đảng.

#### **6, Tiếng Anh 1 [ENTH3011] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Sau khi học xong học phần này, người học được tổng hợp và củng cố lại những kiến thức cơ bản về một số chủ điểm ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, đồng thời phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết. Học phần cung cấp cho người học cơ hội giao tiếp dựa trên các tình huống cụ thể giúp người học được thực hành và giúp họ bước đầu hình thành tư duy phản biện bằng tiếng Anh.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Tiếng Anh 1 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến vấn đề sống và làm việc tại nước ngoài và chương 2 cung cấp kiến thức về dịch vụ khách hàng. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ



vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại đơn, giới từ, danh từ đếm được và không đếm được, lời yêu cầu và đề nghị. Bên cạnh đó, học phần rèn luyện cho sinh viên kĩ năng giải quyết khiếu nại của khách hàng qua điện thoại, kĩ năng viết và trả lời thư điện tử trong tình huống trang trọng cũng như thân mật.

### **7, Tiếng Anh 2 [ENTH3111] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần giúp sinh viên củng cố lại những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng tiếng Anh, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản như Nghe, Nói, Đọc, Viết, bước đầu hình thành tư duy phân biệt bằng tiếng Anh. Học phần giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng tiếng Anh cơ bản (Nghe, Nói, Đọc, Viết), củng cố kiến thức ngữ pháp về các cách diễn đạt hành động trong tương lai, phân biệt thời hiện tại hoàn thành và thời quá khứ đơn, câu điều kiện loại 0 và loại 1, mệnh đề quan hệ,... Ngoài ra, sinh viên thực hành kỹ năng thuyết trình tiếng Anh và làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, chuẩn bị tốt cho việc học tập tiếng Anh ở các học kỳ sau.

**Mô tả học phần:** Học phần Tiếng Anh 2 gồm 2 chương được chia thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương 1 đề cập đến các phương thức hoạt động của công ty và chương 2 cung cấp thông tin về những doanh nhân thành công. Nhằm giúp sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng tiếng Anh, các bài học còn cung cấp những từ vựng liên quan và củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về thời hiện tại tiếp diễn, trạng từ, bị động ở thời hiện tại đơn, quá khứ đơn và quá khứ hoàn thành. Bên cạnh đó, sinh viên được củng cố và phát triển kỹ năng thuyết trình và kỹ năng học tập theo nhóm khi thực hiện các nhiệm vụ được giao.

### **8, Tiếng Anh 3 [ENTH5611] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần trang bị kiến thức nền tảng về ngữ pháp, các kỹ năng ngôn ngữ và từ vựng nhằm giúp sinh viên đạt được trình độ B1, tạo nền tảng để sinh viên có thể học các học phần tiếp theo và có khả năng giao tiếp trong các tình huống kinh doanh thương mại trong môi trường công việc tương lai.

**Mô tả tóm tắt nội dung:** Học phần Tiếng Anh 3 gồm 2 chương được chia nhỏ thành 12 bài học với các chủ đề liên quan đến chuyên ngành thương mại. Chương I cung cấp các kiến thức liên quan đến bán hàng và chương II tập trung vào chủ đề về công ty. Ngoài ra, học phần này cũng giúp tăng cường củng cố kiến thức ngữ pháp của sinh viên về so sánh hơn, so sánh nhất, đặt câu hỏi và câu gián tiếp. Trong suốt 12 bài học, sinh viên có cơ hội được rèn luyện củng cố kỹ năng thuyết trình, kỹ năng đàm phán, kỹ năng lắng nghe và ngắt lời trong cuộc họp, và đặc biệt được làm quen với các văn bản cần thiết trong các cuộc họp như chương trình

### **9, Ứng dụng công nghệ thông tin căn bản [INFO3811] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin (phần cứng và phần mềm), máy tính điện tử, hệ điều hành, mạng máy tính và cách sử dụng một số phần mềm CNTT cơ bản như: hệ soạn thảo văn bản; trình diễn văn bản; tổ chức và xử lý dữ liệu. Ngoài ra sinh viên còn nắm được các kiến thức về một số ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại như Chatbot; Chat GPT; Cloud Computing; ... Sinh viên có khả năng vận dụng một số thao tác cơ bản và nâng cao trong soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, tổng hợp, thống kê, trình chiếu,.. Sinh viên có tinh thần lao động say mê, sáng tạo; ý thức tự giác, nhiệt tình trong công việc; có ý thức trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.



**Mô tả tóm tắt:** Là học phần thuộc khối kiến thức đại cương đối với sinh viên tất cả các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản và nền tảng của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nghiên cứu và học tập của sinh viên. Ngoài ra đây là học phần để đáp ứng cho công việc sau này, cũng như đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường Đại học Thương mại. Học phần bao gồm các khối kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin, hệ soạn thảo văn bản, trình diễn văn bản, tổ chức và xử lý dữ liệu, và các vấn đề đương đại về công nghệ thông tin trong môi trường số.

### **10, Phương pháp nghiên cứu khoa học [SCRE0111] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học, trên cơ sở đó sinh viên có thể hình thành kỹ năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu nhằm thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và viết khóa luận tốt nghiệp.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong tất cả các chương trình đào tạo hệ chính quy các chuyên ngành. Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức thiết kế nghiên cứu, cách thức sử dụng các phương pháp nghiên cứu, cách thức soạn thảo và thuyết trình kết quả nghiên cứu.

### **11, Pháp luật đại cương [TLAW0111] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc trong chương trình học của sinh viên thuộc các chuyên ngành khác nhau tại Trường Đại học Thương mại (trừ chuyên ngành Luật kinh tế). Học phần nhằm giới thiệu cho người học một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật, có sự liên hệ thực tiễn với Nhà nước và pháp luật CHXHCN Việt Nam. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một số ngành luật khác như Luật dân sự, Luật hình sự và Luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng

**Mô tả tóm tắt:** Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp lý cơ bản về nguồn gốc ra đời, bản chất, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, mối liên hệ giữa pháp luật với các hiện tượng xã hội, hình thức tồn tại và sự vận hành của pháp luật trong đời sống xã hội. Học phần cũng tập trung nghiên cứu các nội dung pháp lý cơ bản của Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính và pháp luật về phòng chống tham nhũng.

### **12, Toán đại cương [AMAT1011] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính, Giải tích, Xác suất và Thống kê toán. Từ đó, giúp người học phát triển tư duy logic và sử dụng các công cụ toán học cơ bản để tiếp thu kiến thức trong các học phần tiếp theo như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Nguyên lý thống kê, Kinh tế lượng, Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Quản trị rủi ro, ... Hơn nữa, học phần còn giúp người học bước đầu tiếp cận phương pháp định lượng đối với các vấn đề Kinh tế - xã hội.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích: ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vectơ, các phép toán vi phân và tích phân của hàm một biến số và hàm nhiều biến số. Đồng thời, học phần cũng cung cấp kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất và Thống kê toán: biến cố và xác suất của biến cố, một số quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, ước lượng tham số và kiểm định giả thuyết thống kê về tham số của đại lượng ngẫu nhiên.



## **b. Các học phần tự chọn**

### **1, Kinh tế thương mại đại cương [TECO0111] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Các kiến thức nền tảng này là cơ sở giúp người học vận dụng nghiên cứu những vấn đề kinh tế thương mại của Việt Nam và các nước.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Kinh tế thương mại đại cương cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cơ bản về những vấn đề kinh tế thương mại theo tiếp cận vĩ mô. Nội dung chính của học phần bao gồm: những kiến thức chung về quản lý nhà nước về thương mại như: bản chất kinh tế, chức năng và những tác động về kinh tế, xã hội và môi trường của thương mại; các vấn đề kinh tế cơ bản của thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ; các kiến thức về lợi thế so sánh và hội nhập kinh tế quốc tế; phạm trù nguồn lực và hiệu quả kinh tế thương mại.

### **2, Xã hội học đại cương [RLCP0421] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học; mối quan hệ giữa xã hội học và các ngành khoa học; các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học; các lý thuyết, khái niệm xã hội học; một số vấn đề chuyên biệt của xã hội học. Sinh viên hiểu các khái niệm, các luận điểm cơ bản của các cách tiếp cận xã hội học; biết cách vận dụng kiến thức xã hội học để tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; nắm vững cơ sở lý luận và phương pháp luận để phân tích, lý giải các hiện tượng của đời sống xã hội dưới góc độ xã hội học.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Xã hội học đại cương giới thiệu: Những kiến thức cơ bản về xã hội (dưới góc độ Xã hội học) như: Hành động xã hội, tương tác xã hội và quan hệ xã hội; Cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội và thiết chế xã hội; Bất bình đẳng xã hội; Các nội dung về xã hội hóa; Các vấn đề về biến đổi xã hội. Đồng thời trong học phần cũng đề cập nghiên cứu một số nội dung của các lĩnh vực xã hội học chuyên biệt, như: Xã hội học giáo dục, Xã hội học nông thôn, Xã hội học đô thị, Xã hội học quản lý.

## **2. KHÓI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH**

### **a. Các học phần bắt buộc**

#### **1, Kinh tế học [MIEC0111] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế học để giúp sinh viên hiểu được các nguyên lý cơ bản khi đưa ra các quyết định kinh tế tối ưu trong điều kiện khan hiếm nguồn lực, sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào thực tiễn để phân tích, dự báo hành vi của hộ gia đình, doanh nghiệp và những can thiệp của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô để sinh viên hiểu được các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản và nắm được nội dung tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến hoạt động của nền kinh tế.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về kinh tế học, bao gồm: Về nội dung kinh tế vi mô, học phần tập trung nghiên cứu về cung - cầu về hàng hóa và dịch vụ; nghiên cứu về cơ chế hoạt động của thị trường; nghiên cứu về lý thuyết hành vi của doanh nghiệp; nghiên cứu về cấu trúc của các thị trường khác nhau trong nền kinh tế. Về nội dung kinh tế vĩ mô, Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản của kinh tế vĩ mô, trước hết là phần khái quát về mục tiêu, công cụ kinh tế



## **b. Các học phần tự chọn**

### **1, Lập trình hướng đối tượng [INFO4111] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên ngành Hệ thống thông tin quản lý những kiến thức và kỹ năng về phương pháp lập trình hướng đối tượng. Học phần cung cấp một cái nhìn khái quát về phương pháp lập trình hướng đối tượng, các nguyên tắc, và công cụ được sử dụng khi lập trình hướng đối tượng. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về một ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng cụ thể là ngôn ngữ C++ và một công cụ lập trình hỗ trợ ngôn ngữ C++ để có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản cho một số bài toán quản lý thực tế. Kỹ năng vận dụng phương pháp lập trình hướng đối tượng trong xây dựng và phát triển các phần mềm quản lý cơ bản.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Lập trình hướng đối tượng là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Để học được học phần này sinh viên nên (không bắt buộc) học trước học phần cơ sở lập trình. Học phần bao gồm tổng quan về lập trình hướng đối tượng, so sánh với lập trình truyền thống (hướng cấu trúc). Đồng thời học phần còn bao gồm các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như: lớp, đối tượng, phương thức, kế thừa, ... cách khai báo, sử dụng chúng trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java

### **2, Các hệ thống thông tin và quy trình kinh doanh [INFO3411] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin và các quy trình kinh doanh trong doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về quy trình kinh doanh và hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua; hệ thống bán hàng; hệ thống sản xuất, ... Sinh viên biết cách sử dụng một số hệ thống thông tin cơ bản như: hệ thống mua hàng; hệ thống bán hàng; hệ thống quản lý kho hàng, ... Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

*Mô tả tóm tắt:* Đây là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của hệ thống thông tin doanh nghiệp và các vấn đề liên quan đến mối quan hệ giữa quy trình kinh doanh và các hệ thống thông tin doanh nghiệp.

### **3, Chuyển đổi số trong kinh doanh [PCOM1111] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp kiến thức cơ bản về chuyển đổi số: Các khái niệm, các vấn đề liên quan đến chuyển đổi số cho doanh nghiệp; Tìm hiểu về các yếu tố để doanh nghiệp chuyển đổi số thành công; Nghiên cứu về các công đoạn triển khai công nghệ số trong kinh doanh. Cung cấp cho sinh viên các nội dung chính, các khối kiến thức cơ bản về chuyển đổi số. Hướng dẫn sinh viên vận dụng khối kiến thức đã học để lập kế hoạch cho một số dự án số hóa cơ bản cho doanh nghiệp; Chọn lựa được các phương pháp và công cụ phù hợp để triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp. Giúp sinh viên có thể chủ động đề xuất các giải pháp chuyển đổi số phù hợp với các điều kiện thực tế tại doanh nghiệp; Có khả năng giải quyết một số vấn đề cơ bản trong quá trình triển khai chuyển đổi số tại doanh nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Chuyển đổi số trong kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm chuyển đổi số, quy trình và các khía cạnh trong quá trình chuyển đổi số trong kinh doanh. Học phần bao gồm các nội dung về: Chuyển đổi số, đề án chuyển đổi số quốc gia, quy trình chuyển đổi số trong tổ chức, các vấn đề gặp phải trong quá trình chuyển đổi số, lựa chọn và những lưu ý trong quá trình chuyển đổi số.



#### **4, Khởi sự kinh doanh [CEMG4111] (2 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể đánh giá và lựa chọn khởi sự kinh doanh như một định hướng nghề nghiệp; và thực hiện khởi sự hoạt động kinh doanh ở quy mô nhỏ.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Khởi sự kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để có thể lựa chọn khởi sự kinh doanh và thực hiện khởi sự kinh doanh ở quy mô nhỏ. Học phần bao gồm các nội dung Nhận thức về kinh doanh và khởi sự kinh doanh; Đánh giá sự phù hợp của bản thân với lựa chọn khởi nghiệp; Tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; Lập kế hoạch kinh doanh; Khởi sự và điều hành hoạt động kinh doanh mới.

#### **5, Hành vi khách hàng [BMKT3811] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết cơ bản về đặc điểm và hành vi của khách hàng (người tiêu dùng và các tổ chức) và vận dụng những kiến thức này trong hoạt động marketing của tổ chức. Phân tích được các kiến thức chung và nguyên lý hành vi khách hàng. Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng người tiêu dùng: nhận thức, động cơ, học tập, thái độ, quan niệm về bản thân, lối sống, ảnh hưởng của văn hóa – xã hội, qui trình quyết định mua sắm; Có kiến thức và kỹ năng phân tích và đánh giá được hành vi khách hàng tổ chức: đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng, qui trình quyết định mua và cấu trúc bậc hành vi.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần khái quát giới thiệu bản chất và các quan điểm tiếp cận, học phần tập trung giới thiệu hai khối kiến thức căn bản: Thứ nhất, phân tích các đặc điểm và hành vi mua của các khách hàng là người tiêu dùng bao gồm các vấn đề về nhận thức, học tập, động cơ, thái độ, và sự ảnh hưởng của văn hóa – xã hội đến hành vi mua và qui trình quyết định mua; Thứ hai, khái quát chung về khách hàng tổ chức (loại hình, đặc điểm và qui trình quyết định mua của các khách hàng tổ chức) và các bậc hành vi của khách hàng tổ chức.

#### **6, Cơ sở toán học cho tin học [ECIT2321] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ sở toán học cho tin học và phương pháp cài đặt một số thuật toán để từ đó vận dụng vào giải các bài toán trong tin học. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được phát triển kỹ năng phát hiện, giải quyết vấn đề, làm việc theo nhóm, thái độ tích cực, tư duy sáng tạo chủ động để đáp ứng tốt hơn cho công việc trong thực tế. Trang bị kiến thức về một số thuật toán, lý thuyết đồ thị, cây; toán logic nhằm tăng khả năng tư duy, suy luận logic và phục vụ tốt cho các học phần thuộc kiến thức ngành của ngành hệ thống thông tin quản lý, ... Cung cấp kỹ năng vận dụng các thuật toán, phương pháp cài đặt, mô phỏng các bài toán trong việc phát triển các dự án trong thực tế. Giúp sinh viên nhận thức rõ tầm quan của học phần trong việc học tập các học phần thuộc khối kiến thức ngành và trong công việc sau này

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Cơ sở toán học cho tin học là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng cơ bản về nguyên tắc hoạt động và cơ chế lưu trữ của hệ thống máy tính điện tử. Học phần cung cấp những kỹ năng cơ bản, làm tiền đề cho các học phần ở khối kiến thức ngành của sinh viên. Học phần giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của thuật toán, bao gồm xác định độ phức tạp về thời gian của thuật toán, cài đặt thuật toán và các nguyên lý cơ bản nhất của lý thuyết tổ hợp. Ngoài ra, học phần cũng trình bày về lý thuyết đồ thị, lý thuyết



otomat và các ứng dụng. Cuối cùng, giới thiệu một số bài toán tối ưu trên đồ thị và một số bài toán tối ưu được giải bằng cách ứng dụng lý thuyết đồ thị. Các bài toán này được cài đặt bằng ngôn ngữ lập trình trên máy tính.

### **7, Cấu trúc dữ liệu và giải thuật [INFO1311] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khai phá thông tin từ các dữ liệu kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên nắm được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu trong xây dựng chương trình và giải quyết bài toán; các kiến thức từ khái niệm, tính chất, cách đánh giá giải thuật, cũng như các phương pháp tổ chức dữ liệu như mảng, danh sách, cây để giải quyết các bài toán. Sinh viên có khả năng vận dụng quy tắc trong thiết kế và đánh giá giải thuật để mô tả và đánh giá độ phức tạp của thuật toán, ứng dụng các cấu trúc dữ liệu để mô tả và giải quyết bài toán thành chương trình

*Mô tả tóm tắt:* Đây là một trong những kiến thức tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị hệ thống thông tin. Học phần bao gồm một số khái niệm cơ bản về giải thuật và cấu trúc dữ liệu; vai trò của cấu trúc dữ liệu và giải thuật (CTDL và GT) trong hệ thống thông tin (HTTT); Một số cấu trúc dữ liệu cơ bản bao gồm: Mảng (Array), Danh sách (List), Danh sách liên kết (Linked List), Ngăn xếp (Stack) và Hàng đợi (Queue), và Cây (Tree).

### **8, Kinh tế lượng [AMAT0411] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản để phân tích định lượng mối quan hệ giữa các biến số kinh tế - xã hội bằng cách sử dụng mô hình hồi quy. Sinh viên được cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích độ phù hợp về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình nhằm đưa ra các dự báo hữu ích. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy và có thể thực hiện các kỹ thuật phân tích hồi quy cơ bản với sự trợ giúp của các phần mềm chuyên dụng. Đây là kiến thức nền tảng hoặc hỗ trợ cho các học phần khác như: Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế - xã hội, Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, ...

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Kinh tế lượng cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dùng. Học phần này là nền tảng hoặc hỗ trợ kiến thức cho các học phần khác như Các phương pháp và mô hình dự báo kinh tế xã hội, ...

## **3. KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH (BAO GỒM CHUYÊN NGÀNH)**

### **a. Các học phần bắt buộc**

#### **1, Mạng máy tính và truyền thông [ECIT2421] (2 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp kiến thức cơ bản về mạng máy tính: Các yếu tố cấu thành mạng; cấu trúc vật lý, logic của mạng máy tính cùng các giao thức, các nguyên tắc truyền thông thông trên hệ thống mạng máy tính; giao thức mạng... Thông qua mô hình chuẩn OSI và giao thức TCP/IP, sinh viên hiểu về nguyên tắc phân tầng, nguyên lý trao đổi thông tin giữa các tầng và cách thức truyền giữa các máy tính với nhau. Sinh viên có được hiểu biết về mạng nội bộ, cách thiết kế mạng nội bộ, giao thức phục vụ truyền thông và cách thức chia sẻ tài nguyên trên mạng.



**Mô tả tóm tắt:** Học phần Mạng máy tính và truyền thông trình bày tổng quan về mạng máy tính: Quá trình ra đời và sự phát triển của mạng máy tính. Ứng dụng của mạng máy tính trong cuộc sống nói chung và trong hoạt động của các tổ chức doanh nghiệp nói riêng. Tiếp đó, trình bày các kiến thức về mạng máy tính, mô hình OSI, giao thức TCP/IP, các kiến thức về mạng LAN, mạng Internet cũng như cách thức lựa chọn cấu hình và giao thức mạng phù hợp cho tổ chức doanh nghiệp. Cuối cùng, học phần hướng dẫn phương thức truyền thông tin an toàn khi sử dụng mạng máy tính trong tổ chức doanh nghiệp.

## **2, Hệ thống thông tin quản lý [eCIT0311] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng về các thành phần trong hệ thống thông tin và ứng dụng các hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, về hạ tầng công nghệ thông tin và các nguyên tắc trong lựa chọn ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Giới thiệu cơ bản về phát triển và quản trị hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức, đi sâu vào giới thiệu, phân tích về các hệ thống thông tin quản lý phổ biến được ứng dụng trong các tổ chức, doanh nghiệp hiện nay như các hệ thống thông tin ERP, CRM, SCM, HRM, v.v.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Hệ thống thông tin quản lý thuộc khối kiến thức chuyên ngành cung cấp kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin quản lý. Học phần trình bày các khái niệm cơ bản về hệ thống thông tin quản lý, các thành phần cấu thành và vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp. Học phần cũng giới thiệu nền tảng các công nghệ được ứng dụng trong hệ thống thông tin quản lý, quy trình, phương pháp và các công cụ được sử dụng để xây dựng, quản trị hệ thống thông tin của tổ chức. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các thành phần và cơ chế hoạt động của các hệ thống thông tin phổ biến trong các tổ chức, doanh nghiệp.

## **3, Thiết kế và triển khai ứng dụng Web [ECIT5211] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Cung cấp những kiến thức cơ bản về cách thức thiết kế các thành phần của hệ thống Web và quy trình chung để triển khai Web cho doanh nghiệp. Cung cấp khái niệm cơ bản về mạng Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Giới thiệu một số công cụ thiết kế đồ họa, thiết kế nội dung hiển thị trên giao diện của website. Trình bày qui trình triển khai, nâng cấp, bảo trì và các phương thức quảng bá website trên các kênh truyền thông.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần Thiết kế và triển khai ứng dụng Web cung cấp các kiến thức tổng quát về cách thức thiết kế và triển khai một website cho một doanh nghiệp. Đầu tiên, học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về Internet, world wide web, giao thức HTTP, giao thức FTP, ngôn ngữ đánh dấu HTML, ... và một số ngôn ngữ, công cụ sử dụng trong thiết kế và xây dựng website. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp một số công cụ sử dụng trong thiết kế đồ họa và giao diện cho website. Cuối cùng, học phần trình bày qui trình chung và chi tiết các bước để triển khai một website cho doanh nghiệp.

## **4, Quản trị cơ sở dữ liệu [ECIT2711] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, các kỹ năng cần thiết về tổ chức, khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) trên máy tính và phương pháp để quản trị CSDL. Sinh viên



nắm được các kiến thức về CSDL như các mô hình dữ liệu, thiết kế CSDL quan hệ, ngôn ngữ cơ bản ban đầu khai thác (CSDL) quan hệ và nhận thức được vai trò và sự cần thiết của hệ thống quản lý dữ liệu đối với một tổ chức kinh tế xã hội, nắm được các khái niệm cơ bản trong quản trị CSDL; Vai trò và trách nhiệm của nhà quản trị CSDL; Các chuẩn của hệ CSDL cùng với các yêu cầu cài đặt tương ứng và giải thích thích được các hoạt động quản trị CSDL như: sao lưu, phục hồi, toàn vẹn và bảo mật CSDL,... Sinh viên có khả năng sử dụng các chức năng cơ bản của hệ quản trị SQL Server để quản trị CSDL và có thể sử dụng các ngôn ngữ lập trình kết hợp với hệ quản trị SQL Server để khai thác và quản trị cơ sở dữ liệu trong một bài toán quản lý cụ thể.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Quản trị cơ sở dữ liệu là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên cần phải học trước học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kĩ năng theo chuẩn kĩ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

### **5, Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin [INFO2511] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và giới thiệu một số công cụ hỗ trợ xây dựng tài liệu phân tích và thiết kế cho các dự án công nghệ thông tin. Người học có kiến thức chuyên sâu cho người học về phương pháp phân tích và thiết kế hệ thống thông tin hướng đối tượng và cấu trúc của một tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có kỹ năng lập kế hoạch, lựa chọn công cụ, kỹ năng xây dựng các lược đồ và viết tài liệu phân tích và thiết kế cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có khả năng làm việc độc lập, có tư duy sáng tạo trong phân tích và thiết kế, chịu trách nhiệm với dự án và có đạo đức nghề nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng, tổ chức và phát triển hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Học phần trình bày các kiến thức chuyên sâu về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, những nguyên tắc cơ bản trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, các khía cạnh và các hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế hệ thống thông tin, ưu điểm của hướng tiếp cận theo hướng đối tượng. Trình bày phương pháp phân tích, thiết kế hướng đối tượng bằng UML và công cụ hỗ trợ phân tích thiết kế hệ thống thông tin.

### **6, Triển khai hệ thống thông tin quản lý [ECIT4011] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về triển khai hệ thống thông tin. Học phần phân tích chi tiết các giai đoạn trong quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp qua đó qua đó người học có thể xác định được các yêu cầu, áp dụng quy trình để hoàn thiện quá trình triển khai một hệ thống thông tin. Học phần giúp sinh viên hiểu được quy trình triển khai một hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức về Cơ sở dữ liệu, các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, quy trình nghiệp vụ để triển khai HTTT cho doanh nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Triển khai hệ thống thông tin cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho người học để triển khai được một hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà



nước. Học phần bao gồm các nội dung: Giới thiệu và trình bày quy trình chung để triển khai một hệ thống thông tin bao gồm: Lựa chọn thời điểm, lập kế hoạch nhân sự, lựa chọn đối tác, truyền thông, thống nhất quy trình, các chức năng, cách thức chuyển đổi cơ sở dữ liệu, tiến hành cài đặt, tối ưu trải nghiệm người dùng trên hệ thống, khai thác và bảo trì. Học phần giúp sinh viên thực hiện một quy trình triển khai hệ thống cụ thể cho doanh nghiệp, bao gồm các bước: Chuẩn bị dự án; Khảo sát; Xây dựng quy trình nghiệp vụ chuẩn và hệ thống chỉ tiêu chuẩn; Phân tích thiết kế hệ thống; Phát triển chỉnh sửa hệ thống; Triển khai (Cài đặt, đào tạo); Vận hành hệ thống; Nghiệm thu hệ thống; Bảo hành và hỗ trợ.

### **7, Phát triển hệ thống thông tin kinh tế \*[eCIT2621] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp các khái niệm cơ bản về phát triển một hệ thống thông tin kinh tế. Cung cấp những kiến thức cơ bản từng giai đoạn phân tích yêu cầu phần mềm, phân tích thiết kế, lập trình, kiểm thử và cài đặt triển khai một hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp. Sinh viên có thể phân tích, tổng hợp các nội dung của quy trình phát triển phát triển hệ thống thông tin kinh tế và vận dụng trong việc phát triển một hệ thống cụ thể của tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên có thể phân tích, so sánh, chọn lọc được các công cụ, phương pháp phù hợp với thực trạng của các hệ thống thông tin kinh tế. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phát triển hệ thống để tổ chức, triển khai các bước phát triển hệ thống trong một dự án hiện đại như các kỹ thuật phân tích yêu cầu, thiết kế, cài đặt, kiểm thử và triển khai. Sinh viên có thể trau dồi kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức quản lý, giám sát, kiểm soát công việc, phối hợp nhóm làm khi thực hiện một dự án. Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, đề xuất giải pháp, thiết kế cho hệ thống thông tin kinh tế của tổ chức, doanh nghiệp. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với đội nhóm, phối kết hợp giữa các thành viên trong đội, nhóm

*Mô tả tóm tắt:* Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn phương pháp, công cụ và kỹ thuật xây dựng, kiểm thử và triển khai hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp. Học phần trình bày tổng quan về phát triển một hệ thống thông tin kinh tế cho doanh nghiệp khái niệm, quy trình, phương pháp luận, một số công cụ, kỹ thuật hỗ trợ phát triển hệ thống thông tin. Sau đó học phần đi sâu phân tích, hướng dẫn cụ thể từng giai đoạn xây dựng và triển khai hệ thống thông tin: từ giai đoạn phân tích yêu cầu phần mềm, phân tích thiết kế, lập trình, kiểm thử, cài đặt và triển khai một hệ thống thông tin kinh tế trong doanh nghiệp.

### **8, An toàn và bảo mật thông tin [ECIT0921] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Trang bị các kiến thức căn bản về các chính sách và giải pháp đảm bảo an toàn bảo mật thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước. Giới thiệu một số công nghệ và giải pháp cập nhật trong đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin trong không gian mạng Internet. Cung cấp những kiến thức căn về chính sách và các quy trình nhằm đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho các hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Cung cấp các phương pháp, quy trình trong phát hiện, phân loại, đánh giá các nguy cơ mất an toàn thông tin trong các hệ thống thông tin và trên không gian mạng Internet. Trang bị kiến thức để lựa chọn, đánh giá tính khả thi và thực hiện các giải pháp phòng tránh và phục hồi thông tin cho các hệ thống thông tin và người dùng cá nhân.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần An toàn và bảo mật thông tin thuộc khối kiến thức chuyên ngành nhằm cung cấp kỹ năng lựa chọn các giải pháp đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin cho hệ thống thông



tin của doanh nghiệp. Học phần giới thiệu các khái niệm liên quan đến an toàn và bảo mật thông tin trong doanh nghiệp, đi sâu vào các hình thức tấn công, các phương pháp phòng tránh, một số cách thức phục hồi sự cố khi hệ thống thông tin của doanh nghiệp gặp rủi ro. Ngoài ra, học phần cũng đưa ra quy trình nhằm đánh giá rủi ro của hệ thống thông tin doanh nghiệp và một số ứng dụng để nâng cao độ an toàn, tính bảo mật cho các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp

### **9, Phân tích nghiệp vụ phần mềm [ECIT2611] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp kiến thức cơ bản, các góc nhìn khác nhau về phân tích nghiệp vụ phần mềm, các kỹ năng cần thiết, kỹ thuật phổ biến nhất được sử dụng trong thực hành phân tích nghiệp vụ phần mềm nhằm giúp cho người học hiểu, phân tích, đánh giá được các yêu cầu về nghiệp vụ phần mềm, thực hành hiệu quả phân tích nghiệp vụ khi xây dựng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý. Sinh viên có thể phân tích được các nghiệp vụ gắn với phần mềm quản lý trong các lĩnh vực khác nhau của tổ chức/doanh nghiệp: Hiểu được kiến thức về khai thác, phân tích và quản lý phần mềm; Đánh giá các giải pháp phần mềm đáp ứng chiến lược hoạt động, kinh doanh của tổ chức/doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như: Kỹ thuật thu thập yêu cầu (phỏng vấn, trao đổi nhóm tập trung, thu thập tài liệu, thu thập yêu cầu Agile); Kỹ thuật phân tích và mô hình hóa mô hình kinh doanh (mô hình phân cấp tổ chức, sơ đồ các bên liên quan, sơ đồ luồng, sơ đồ ca sử dụng...) và mô hình kỹ thuật (sơ đồ bối cảnh hệ thống, sơ đồ luồng dữ liệu DFD, sơ đồ trạng thái, sơ đồ thực thể liên kết ERD...). Ngoài ra, sinh viên có thể trau dồi tư duy phân tích, tư duy hình ảnh, tư duy trừu tượng và bao quát vấn đề, tư duy sáng tạo khi thực hiện quá trình phân tích nghiệp vụ, yêu cầu và đề xuất giải pháp cho ứng dụng phần mềm cho hệ thống thông tin quản lý của tổ chức doanh nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kiến thức về phương pháp, công cụ, kỹ thuật phân tích nghiệp vụ phần mềm và những kỹ năng cần thiết để phân tích nghiệp vụ một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm qua đó thấy được vai trò sự phù hợp của các phương pháp phân tích nghiệp vụ phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn phân tích nghiệp vụ, thu thập và phân tích yêu cầu, công việc của nhân viên phân tích nghiệp vụ. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp khám phá, thu thập yêu cầu, những kỹ thuật phân tích yêu cầu và mô hình hóa được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết về kỹ thuật đặc tả và tài liệu đặc tả yêu cầu cho một dự án phần mềm và việc quản lý thay đổi yêu cầu cùng quá trình phê duyệt yêu cầu cho dự án.

### **10, Quản trị dự án Công nghệ thông tin \*[eCIT2821] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp kiến thức về các phương pháp Quản trị dự án công nghệ thông tin. Hiểu được các bước lập kế hoạch thực hiện dự án, triển khai các giai đoạn của dự án như: xác định công việc, quản lý tài nguyên, tính toán chi phí, giám sát thực hiện, đánh giá tiến độ, chất lượng và rủi ro của dự án. Người học hiểu và phân tích được các bước thực hiện một dự án công nghệ thông tin; vận dụng trong việc triển khai lập kế hoạch và kiểm soát các bước thực hiện dự án công nghệ thông tin, vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án công nghệ thông tin trên một số phần mềm ứng dụng. Có khả năng theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện dự án, tính toán được chi



phí dự án, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng cũng như những rủi ro của dự án. Có trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần cung cấp kiến thức về các phương pháp quản trị dự án công nghệ thông tin và các bước lập kế hoạch, triển khai một dự án từ khi bắt đầu đến khi kết thúc. Người học cũng được trang bị kiến thức về một số công cụ phần mềm giúp lập kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin. Để lập và quản lý dự án hiệu quả, học phần cung cấp cho người học các kiến thức quản trị dự án công nghệ thông tin gồm: quản lý phạm vi dự án; quản lý tiến độ dự án theo các giai đoạn; tính toán chi phí dự án; quản lý và điều phối các nguồn tài nguyên của dự án; quản lý chất lượng và đánh giá rủi ro dự án. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp kiến thức về truyền thông trong quá trình thực hiện dự án, bao gồm việc truyền thông nội bộ giữa các thành viên trong nhóm, các nhóm trong dự án và giữa các bên (đối tác) tham gia vào dự án.

## **b. Các học phần tự chọn**

### **1, Thực hành công cụ quản trị dự án [ECIT4311] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị dự án công nghệ thông tin và công cụ Microsoft (MS) Project hoặc một số công cụ phù hợp khác để lập và quản lý các dự án công nghệ thông tin. Học phần cung cấp kiến thức về quy trình xây dựng kế hoạch và quản trị dự án công nghệ thông tin bằng công cụ phần mềm. Thông qua các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm được từng bước tạo và quản lý dự án, thiết lập và quản lý tài nguyên thực hiện các công việc của dự án, giám sát quá trình thực hiện qua các biểu đồ trực quan trên phần mềm. Ngoài ra, sinh viên có khả năng phân tích, đánh giá tổng quát về chất lượng dự án, tính toán chi phí dự án cũng như đánh giá được các rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về quản lý dự án CNTT bằng các phương pháp khác nhau và thực hành quản lý dự án CNTT thực tế trực tiếp trên phần mềm MS Project. Học phần được tổ chức thành các bài thực hành cụ thể, sinh viên sẽ thực hiện tại phòng thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Các bài học được tổ chức thống nhất để người học sẽ thực hiện được lần lượt các công việc của quá trình tạo và quản lý dự án CNTT trên MS Project, bao gồm: tạo dự án, thiết lập các tác vụ của dự án và thời gian thực hiện các tác vụ, nhập vào các tài nguyên thực hiện dự án, giám sát quá trình thực hiện dự án qua các báo cáo và các biểu đồ cụ thể. Ngoài ra, người học cũng được thực hành các nghiệp vụ về quản lý chất lượng và quản lý các rủi ro khi thực hiện dự án, ... Sinh viên có thể tích hợp kiến thức của các học phần khác như Hệ thống thông tin quản lý để xây dựng và quản lý một dự án CNTT hoàn chỉnh.

### **2, Nguyên lý Đảm bảo chất lượng phần mềm [ECIT3911] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Trang bị các kiến thức cập nhật về đảm bảo chất lượng phần mềm trong các pha của quy trình phát triển phần mềm. Cung cấp những kiến thức căn bản của các yếu tố trong đảm bảo chất lượng phần mềm và các quy định về chất lượng phần mềm trong các pha của quy trình phát triển phần mềm. Cung cấp các phương pháp, quy trình, công cụ và các bộ tiêu chuẩn trong đánh giá chất lượng phần mềm trong các tổ chức, doanh nghiệp. Trang bị kiến thức để lựa chọn các giải pháp, cách thức đánh giá và quy trình thực hiện đảm bảo chất lượng phần mềm.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Đảm bảo chất lượng phần mềm là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đảm bảo chất lượng phần mềm (Software Quality Assurance - SQA) là hết



sức quan trọng trong quá trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về chất lượng phần mềm, đảm bảo chất lượng trong một dự án phát triển phần mềm, qui trình xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm, ... Từ đó, người học có thể hiểu được cách thức xây dựng một hệ thống đảm bảo chất lượng phần mềm và vai trò của những thành viên trong hệ thống. Một số chuẩn đảm bảo chất lượng cũng được giới thiệu trong học phần và cập nhật theo các bộ tiêu chuẩn mới nhất.

### **3, Các công cụ trực quan hóa dữ liệu [INFO3211] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về trực quan hóa dữ liệu bằng Power BI. Cung cấp kiến thức về trực quan hóa dữ liệu nói chung và cách thức tổ chức dữ liệu trên các biểu đồ nói riêng để sinh viên có thể tạo ra các biểu đồ hoặc dashboard biểu diễn dữ liệu một cách trực quan. Sử dụng một công cụ biểu diễn trực quan dữ liệu để nhằm mục đích phân tích dữ liệu cho các bài toán quản lý trong kinh tế. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần Các công cụ trực quan hóa dữ liệu (Data Visualization) cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng trong trực quan hóa dữ liệu thành các dạng đồ họa như là đồ thị, biểu đồ hay sử dụng các phương pháp, công cụ khác nhau để trực quan hóa và minh họa dữ liệu được tốt nhất. Người học được trang bị các kiến thức để biến các nguồn dữ liệu thành những thông tin được thể hiện một cách trực quan, dễ quan sát, dễ hiểu, để truyền đạt rõ ràng những hiểu biết đầy đủ từ dữ liệu đến người dùng.

### **4, Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp [ECIT1421] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp các kiến thức về quản trị, quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp; Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của HTTT doanh nghiệp. Sinh viên có khả năng vận dụng những công cụ xử lý dữ liệu, các mô hình lý thuyết liên quan, áp dụng các phương pháp để xác định những yếu tố tác động đến hệ thống thông tin trong mỗi môi trường doanh nghiệp khác nhau. Từ đó đề xuất các biện pháp nhằm mang lại hiệu quả cho hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Sinh viên tự thực hiện một dự án nhỏ và trình bày kết quả của dự án. Quá trình thực hiện một dự án giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng và ý thức tự chủ và trách nhiệm.

*Mô tả học phần:* Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp kỹ năng lập phương án tổ chức hệ thống thông tin, lập chiến lược quản trị các thành phần trong hệ thống thông tin của tổ chức, doanh nghiệp. Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về HTTT và quản trị HTTT trong DN. Giới thiệu các phương pháp tiếp cận HTTT trong DN: Tiếp cận trên khía cạnh quản trị công nghệ và khía cạnh quản trị doanh nghiệp. Khía cạnh công nghệ bao gồm: Quản trị các thành phần của HTTT (phần cứng, phần mềm, CSDL, mạng, nguồn nhân lực). Khía cạnh quản trị doanh nghiệp bao gồm: Quản trị các yếu tố thuộc môi trường bên trong và môi trường bên ngoài doanh nghiệp có tác động đến HTTT DN. Để tạo ra giá trị kinh doanh cho HTTT cần quản trị tất cả các yếu tố liên quan bao gồm cả yếu tố công nghệ và yếu tố phi công nghệ trong doanh nghiệp.

### **5, Kiểm thử phần mềm [ECIT3021] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm, cho phép người học đánh giá và hiểu rõ các rủi ro khi thực thi phần mềm, nhằm tránh những lỗi phát sinh trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm. Học phần giới thiệu những kiến thức chung về vòng đời phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm. Học phần tích chi tiết các công cụ, kỹ thuật trong



kiểm thử để người học có thể thiết kế ca kiểm thử và tiến hành kiểm thử trên phần mềm thực. Sinh viên phân tích được vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Sinh viên có khả năng vận dụng phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, sinh viên có kỹ năng thực hiện các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm cung cấp phương pháp, công cụ, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức về vòng đời phát triển phần mềm, các mô hình phát triển phần mềm, kiểm thử và vai trò kiểm thử phần mềm trong quá trình xây dựng. Học phần giới thiệu các giai đoạn kiểm thử phần mềm, công việc của người kiểm thử, nội dung kiểm thử tương ứng với từng giai đoạn xây dựng phần mềm. Học phần phân tích chi tiết các phương pháp kiểm thử, những kỹ thuật kiểm thử được sử dụng phổ biến hiện nay tại các doanh nghiệp sản xuất và gia công phần mềm như kỹ thuật kiểm thử hộp trắng, hộp đen, hộp xám. Ngoài ra, học phần còn hướng dẫn chi tiết các bước thiết kế ca kiểm thử cho một dự án cụ thể từ bước lập kế hoạch, xây dựng kịch bản và sử dụng công cụ kiểm thử tự động nhằm hỗ trợ người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp

#### **6, Thực hành kiểm thử phần mềm [ECIT4111] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp những kiến thức thực tế về hoạt động kiểm thử phần mềm và trang bị các kỹ năng cần thiết về hoạt động kiểm thử thông qua các bài thực hành. Học phần củng cố những kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, quy trình kiểm thử phần mềm, các phương pháp kiểm thử và các mức kiểm thử cần được thực hiện để đảm bảo chất lượng phần mềm. Hoạt động kiểm thử có thể được thực hiện thủ công hoặc được thực hiện tự động với sự trợ giúp của các công cụ kiểm thử. Học phần này cung cấp các bài thực hành để người học có thể được rèn luyện các bước trong quy trình kiểm thử cho từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, hiệu năng cũng như cho các mức đơn vị, hệ con và hệ thống tổng thể.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần thuộc khối kiến thức ngành nhằm tăng cường phần thực hành các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm và những kỹ năng cần thiết để kiểm thử một dự án phần mềm cụ thể trong doanh nghiệp. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về quy trình phát triển phần mềm, hoạt động kiểm thử và vai trò của hoạt động kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm. Học phần cung cấp các phương pháp, kỹ thuật thực hiện từng bước trong quy trình kiểm thử như lập kế hoạch kiểm thử, xác định và mô tả các ca kiểm thử, thực hiện kiểm thử, viết báo cáo kết quả kiểm thử. Học phần cũng cung cấp các bài thực hành cho hoạt động kiểm từng phần của phần mềm như chức năng, giao diện, cơ sở dữ liệu, hiệu năng cũng như kiểm thử tổng thể hệ thống. Qua đó, người học có thể thực hành kiểm thử trên những dự án phần mềm thực tế tại doanh nghiệp.

#### **7, Thực hành quản trị cơ sở dữ liệu [INFO3111] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Cung cấp cho sinh viên kiến thức, phương pháp để xây dựng, quản lý, quản trị và khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL). Sinh viên có khả năng xây dựng CSDL và quản trị CSDL với hệ quản trị CSDL Microsoft SQL Server. Sinh viên có khả năng sử dụng các công cụ trong hệ



quản trị CSDL SQL Server để quản trị một CSDL đã cho. Sinh viên thể hiện được các trách nhiệm cần có đối với cộng đồng, xã hội.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Sinh viên nên học phần cơ sở dữ liệu (CSDL) trước khi học học phần này. Học phần thực hành nhằm cung cấp cho sinh viên kỹ năng về quản trị CSDL ứng dụng trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server hoặc Oracle. Bao gồm các kỹ năng tổ chức, xây dựng, quản lý, khai thác CSDL dựa trên các chức năng mà hệ quản trị CSDL cung cấp. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kỹ năng như đồng bộ dữ liệu, phân quyền người dùng, sao lưu dự phòng và đảm bảo an toàn CSDL một cách hiệu quả. Học phần sẽ giúp sinh viên có được các kiến thức, kỹ năng theo chuẩn kỹ năng chuyên nghiệp MTA (Microsoft Technology Associate) của Microsoft.

#### **8, Thực hành khai phá dữ liệu trong kinh doanh [INFO5111] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Sinh viên phân tích được các thông tin thông qua các công cụ khai phá như cây quyết định; luật kết hợp, hồi quy tuyến tính, hoặc công cụ kinh doanh thông minh BI (Business Intelligence). Sinh viên có khả năng vận dụng một số công cụ khai phá dữ liệu để rút trích thông tin, tạo ra các báo cáo đa chiều, dự báo thông tin kinh doanh,...

**Mô tả tóm tắt:** Đây là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành quản trị hệ thống thông tin. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản của quá trình khai phá dữ liệu với các công cụ của Business Intelligence

#### **9, Thực hành thiết kế mô phỏng hệ thống với Axure [ECIT4411] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể sử dụng thành thạo phần mềm Axure trong thiết kế các mockup, prototype và wireframe ứng dụng trong thiết kế các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin. Người học có kỹ năng cài đặt, sử dụng các đối tượng và xây dựng được các bản mockup, prototype và các kịch bản cho một dự án công nghệ thông tin. Người học có khả năng lựa chọn và đưa ra các quyết định khi sử dụng, xây dựng và tôn trọng bản quyền, có đạo đức nghề nghiệp khi tạo các bản mockup, prototype và các kịch bản

**Mô tả tóm tắt:** Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng sử dụng phần mềm Axure ứng dụng trong tạo lập, thiết kế, xây dựng kịch bản các mô phỏng cho các dự án công nghệ thông tin. Tạo dự án mới, thiết kế giao diện, tạo kịch bản chuyển động, thực hiện mô phỏng, chia sẻ và phản hồi. Xuất các tài liệu cho phân tích nghiệp vụ

### **4. KHỐI KIẾN THỨC BỔ TRỢ BẮT BUỘC**

#### **a. Các học phần bắt buộc**

##### **1, Nguyên lý kế toán [FACC0111] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Đào tạo sinh viên có kiến thức lý thuyết toàn diện về nguyên lý kế toán, làm cơ sở cho học tập, nghiên cứu các vấn đề cụ thể của kế toán doanh nghiệp, kế toán đơn vị sự nghiệp và kiểm toán; trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc lĩnh vực chuyên môn kế toán trong các đơn vị kế toán.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về kế toán như: bản chất, chức năng, nhiệm vụ của kế toán, nội dung đối tượng của kế toán, các phương pháp kế toán: chứng từ,



tài khoản, tính giá, tổng hợp và cân đối kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán và vận dụng trong kế toán các hoạt động chủ yếu của đơn vị kế toán.

## **2, Quản trị thương mại điện tử 1 [ECOM2011] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử ngành Thương mại điện tử những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức và quản lý hoạt động bán lẻ trực tuyến của các doanh nghiệp. Môn học giúp sinh viên hiểu rõ cách lựa chọn mô hình bán lẻ trực tuyến, tổ chức bán lẻ trực tuyến, quản trị và bán hàng qua website TMĐT, bán hàng qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng, và quản trị mối quan hệ khách hàng mua lẻ trực tuyến. Kỹ năng quản trị bán hàng, bao gồm bán lẻ trực tuyến và bán lẻ truyền thống, kỹ năng quản trị vận hành một cửa hàng điện tử.

**Mô tả tóm tắt:** Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về bán lẻ điện tử, bao gồm: Khái niệm bán lẻ điện tử, lợi ích và những khó khăn bán lẻ điện tử, các mô hình bán lẻ điện tử, xây dựng kế hoạch marketing trong bán lẻ điện tử, quản lý và vận hành website bán lẻ điện tử, tổ chức bán qua mạng xã hội, thực hiện đơn hàng điện tử, xử lý các vấn đề sau bán lẻ điện tử, quản trị quan hệ khách hàng trong bán lẻ điện tử.

### **b. Các học phần tự chọn**

#### **1, Quản trị chiến lược [SMGM 0111] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng về quản trị chiến lược kinh doanh hiện đại áp dụng với tất cả các loại hình doanh nghiệp, từ đó tạo lập cho người học tư duy chiến lược trong mối quan hệ tương thích với môi trường kinh doanh thường xuyên thay đổi; kỹ năng hoạch định, thực thi và đánh giá chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần cũng giúp người học rèn luyện và bồi dưỡng phẩm chất đạo đức tốt; thái độ làm việc tích cực, ham học hỏi, ý thức phấn đấu, hợp tác; có khả năng làm việc khoa học, độc lập, chủ động và có trách nhiệm.

**Mô tả học phần:** Học phần Quản trị chiến lược được kết cấu theo quy trình 3 giai đoạn với 7 chương. Giai đoạn Hoạch định chiến lược trình bày các khái niệm cơ bản, mô hình và các nội dung về tầm nhìn chiến lược, sứ mạng kinh doanh và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp; phân tích môi trường chiến lược, nghiên cứu các loại hình chiến lược và các công cụ nhằm xây dựng và lựa chọn các phương án chiến lược phù hợp nhất với tình thế chiến lược của doanh nghiệp. Giai đoạn Thực thi chiến lược làm sáng tỏ bản chất và phân định sự khác biệt giữa thực thi và hoạch định chiến lược, các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình triển khai chiến lược của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, quy trình triển khai chiến lược cũng được làm rõ, với các hoạt động cơ bản gồm: thiết lập mục tiêu hàng năm, xây dựng các chính sách, phân bổ các nguồn lực, tái cấu trúc tổ chức, phát huy văn hóa doanh nghiệp và lãnh đạo chiến lược. Giai đoạn Kiểm tra và đánh giá chiến lược cung cấp các tiêu chí, quy trình và khung đánh giá chiến lược, đồng thời thiết lập các quy tắc chỉ đạo kiểm tra chiến lược giúp nhà lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ này.

#### **2, Quản trị công nghệ [QMGM0721] (3 tín chỉ)**

**Mục tiêu học phần:** Học phần nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ và quản trị công nghệ trong nền kinh tế thị trường, từ đó sinh viên tạo lập được cơ sở và phương pháp luận để quản lý một cách hiệu quả công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa. Cụ thể: Giúp người học nắm vững được cơ sở lý thuyết chung về công nghệ và vai trò của công nghệ đối với sự



phát triển kinh tế xã hội; Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị công nghệ và vận dụng chúng vào trong thực tiễn của doanh nghiệp; Nâng cao nhận thức về quản trị công nghệ trong cạnh tranh và phát triển kinh tế với vai trò quản lý Nhà nước quản lý khoa học và công nghệ

*Mô tả tóm tắt:* Học phần sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản giúp người học nắm vững các vấn đề liên quan tới quản trị công nghệ như: vai trò của công nghệ và quản trị công nghệ, nhận dạng được các yếu tố cấu thành và các loại công nghệ; các hoạt động cơ bản của quản trị công nghệ; và kinh nghiệm chuyên gia công nghệ ở các nước đang phát triển. Từ đó, học phần cũng giúp người học nhận thức được những thuận lợi, khó khăn và điều kiện để chuyển giao công nghệ thành công ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản trong việc thực hành các hoạt động tác nghiệp của quản trị công nghệ như đánh giá năng lực công nghệ, lựa chọn công nghệ thích hợp, đổi mới và chuyển giao công nghệ

### **3, Thanh toán điện tử [PCOM0411] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng Internet trong so sánh với các hình thức của thanh toán truyền thống. Làm rõ những tương đồng và khác biệt giữa thanh toán điện tử với thanh toán truyền thống, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác. Cung cấp những kiến thức chuyên sâu từ đặc điểm, quy trình thực hiện đến các cách thức vận hành của những hệ thống thanh toán điện tử phổ biến nhất hiện nay trên thế giới. Sử dụng các công cụ thanh toán điện tử, vận dụng trong xây dựng và triển khai các công cụ hoặc hệ thống thanh toán điện tử trong doanh nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần cung cấp các kiến thức chuyên sâu về các loại hình thanh toán điện tử, đặc biệt đi chi tiết vào các hình thức thanh toán trên Internet, bao gồm: Các kiến thức tổng quan về Thanh toán điện tử (Lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm, sự khác biệt giữa thanh toán trong TMĐT với các hoạt động thanh toán điện tử khác, cách thức phân chia các loại hình thanh toán điện tử); Trình bày các loại hình thanh toán chủ yếu trên Internet bao gồm từ thanh toán thẻ, thanh toán bằng ví điện tử, thanh toán giá trị nhỏ (vi thanh toán), chuyển khoản điện tử, thanh toán bằng séc điện tử, thanh toán bằng xuất trình hóa đơn điện tử; Phân tích chi tiết các quy trình thanh toán, cách thức áp dụng và các hình thức bảo mật của thanh toán trong TMĐT.

### **4, Quản trị nhân lực căn bản [CEMG0111] (3 tín chỉ)**

*Mục tiêu học phần:* Trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quản trị nhân lực trong các tổ chức/doanh nghiệp, cũng như trau dồi khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, khả năng phân tích, phân biện, tư duy, sáng tạo. Qua đó giúp người học có năng lực đạt chuẩn đầu ra, có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp và dễ dàng tìm kiếm việc làm phù hợp về chuyên môn.

*Mô tả tóm tắt:* Học phần bao gồm các nội dung chính: Khái niệm và vai trò của quản trị nhân lực, mối quan hệ của quản trị nhân lực với các hoạt động quản trị khác, các học thuyết quản trị nhân lực, các nội dung cơ bản của quản trị nhân lực theo tiếp cận quá trình (hoạch định nhân lực, phân tích công việc, tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, tổ chức hoạt động quản trị nhân lực, tạo động lực cho người lao động, kiểm soát hoạt động quản trị nhân lực).



## 5. THỰC TẬP VÀ TỐT NGHIỆP

### 1, Thực tập và viết báo cáo thực tập tổng hợp [REPI1311] (3 tín chỉ)

*Mục tiêu học phần:* Thông qua việc tìm hiểu cơ cấu tổ chức, hoạt động kinh doanh của đơn vị thực tập, giúp sinh viên tiếp cận môi trường làm việc thực tế và có điều kiện so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn. Tiếp tục học thêm các kiến thức, kỹ năng từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin (HTTT) của doanh nghiệp. Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị về xây dựng, triển khai và quản lý HTTT doanh nghiệp, trực tiếp tham gia vào một (hoặc một số) công việc của doanh nghiệp theo sự phân công của đơn vị thực tập để rèn luyện kỹ năng thực tế và tìm hiểu sâu hơn về các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo ở đơn vị thực tập, phát triển khả năng phát hiện vấn đề từ thực tế hoạt động của doanh nghiệp, nghiên cứu đề xuất tên đề tài viết khoá luận tốt nghiệp, khảo sát thực tế chuyên sâu để phục vụ viết Báo cáo thực tập tổng hợp và Khoá luận tốt nghiệp theo hướng đề xuất và được thông qua. Sinh viên phải nắm được nội dung và cách thức tiến hành điều tra, khảo sát để thu thập thông tin phục vụ cho việc viết báo cáo thực tập tổng hợp, lựa chọn đề tài và viết khoá luận tốt nghiệp.

*Mô tả tóm tắt:* Báo cáo thực tập tổng hợp là bài thu hoạch những kiến thức mà sinh viên học được, thấy được tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức (đơn vị thực tập) theo hướng dẫn của khoa. Kết thúc đợt thực tập tổng hợp, sinh viên phải viết Báo cáo thực tập tổng hợp (theo mẫu quy định), trong đó sinh viên phải phát hiện, đề xuất được từ 2 - 3 vấn đề cần nghiên cứu làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Những vấn đề đặt ra có tính thời sự cấp thiết cần giải quyết tại nơi thực tập và phải phù hợp với ngành/chuyên ngành đào tạo của sinh viên. Báo cáo thực tập tổng hợp được trình bày trong khoảng từ 12 - 15 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn và có dấu xác nhận của đơn vị thực tập. Báo cáo thực tập tổng hợp được tính là một học phần 3 tín chỉ.

### 2, Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp [LVVI 1711] (7 tín chỉ)

*Mục tiêu học phần:* Người học vận dụng các kiến thức chuyên sâu và các kỹ năng đã được trang bị trong Nhà trường và từ thực tiễn nhằm giải quyết một bài toán cụ thể trên thực tế. Thông qua bài toán hoặc đề tài, sinh viên bước đầu đề xuất được một số kiến nghị đối với doanh nghiệp để hoàn thiện việc ứng dụng CNTT, HTTT, TMĐT cho các doanh nghiệp, tổ chức và cơ quan Nhà nước. Bài toán hoặc đề tài sinh viên đề xuất phải dựa trên tình hình thực tế, có sự định hướng và đánh giá của giáo viên hướng dẫn, được Bộ môn chuyên ngành và Khoa chuyên ngành duyệt. Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về HTTT và có kỹ năng sử dụng thành thực một số công cụ hiện đại để giải quyết bài toán đã đề xuất.

*Mô tả tóm tắt:* Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu về một đề tài cụ thể của sinh viên, sau khi đã đạt Báo cáo thực tập tổng hợp và điều kiện khác theo quy định của Nhà trường. Trong thời gian thực hiện khóa luận tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục thực tập tại các loại hình doanh nghiệp/tổ chức đã thực tập tổng hợp để hoàn thành khóa luận theo quy định của khoa. Khóa luận tốt nghiệp được trình bày trong khoảng từ 35 - 45 trang đánh máy khổ A4 tiêu chuẩn (không bao gồm phụ lục).